

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2010/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 01 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án xây dựng, củng cố Công an xã, thị trấn
(nơi không bố trí Công an chính qui) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
(giai đoạn 2010 – 2015)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Công an xã số 06/2008/PL-UBTVQH12 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 21/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Quyết định số 367/QĐ-TTg ngày 20/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổ chức triển khai thi hành Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ quy định về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2009/NQ-HĐND ngày 10/12/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh (khóa X) về củng cố, xây dựng Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2010 - 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số 95/PV11(TH) ngày 15/01/2010 và ý kiến thẩm định của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh tại Báo cáo số 214/BC-STP ngày 25/11/2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án củng cố, xây dựng Công an xã, thị trấn (nơi không bố trí Công an chính qui) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (giai đoạn 2010 - 2015)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Huế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

**Xây dựng, củng cố Công an xã, thị trấn (nơi không bố trí Công an chính qui)
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (giai đoạn 2010 - 2015)**
*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 06 /2010/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 01 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

Phần thứ nhất

CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Pháp lệnh Công an xã số 06/2008/PL-UBTVQH12 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 21/11/2008;
- Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;
- Quyết định số 367/QĐ-TTg ngày 20/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổ chức triển khai thi hành Pháp lệnh Công an xã;
- Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ quy định về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;
- Nghị quyết số 20/2009/NQ-HĐND ngày 10/12/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh (khóa X) về củng cố, xây dựng Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2010 - 2015.

II. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Diễn biến của tình hình ANQG, TTATXH (gọi tắt là An ninh - trật tự):

Trong những năm qua, tình hình chính trị trên thế giới và khu vực tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp; khủng bố, xung đột sắc tộc, biểu tình theo kiểu “cách mạng đường phố”, “cách mạng màu” diễn ra ở nhiều nước đã tác động rất lớn đến mọi mặt trong đời sống chính trị - xã hội ở Việt Nam. Lợi dụng vào đó, các thế địch thù địch gia tăng các hoạt động chống phá thực hiện chiến lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ, nhằm xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Nằm trong bối cảnh chung của cả nước, tỉnh Quảng Ngãi đang đứng trước những thời cơ vận hội, song cũng đang đối mặt với những khó khăn thách thức. Khu kinh tế Dung Quất với Nhà máy lọc dầu, các Khu công nghiệp của tỉnh, các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi, hải đảo, các huyện đồng bằng tạo điều kiện để đưa kinh tế của tỉnh phát triển, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân

dân, là điều kiện tốt để đảm bảo ANQG - TTATXH, giữ vững ổn định chính trị trên địa bàn tỉnh.

Song, bên cạnh đó tình hình An ninh - trật tự trên địa bàn tỉnh còn tiềm ẩn nhiều yếu tố gây mất ổn định. Lợi dụng vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền”, “tôn giáo”, “dân tộc”, một số đối tượng chưa thật sự cải tạo và các phần tử xấu tìm cách liên lạc với đối tượng ngoài nước tuyên truyền, đã kích nói xấu đường lối, chủ trương của Đảng, “bóp méo” hình ảnh lãnh tụ, kêu gọi đa nguyên, đa đảng; tuyên truyền lôi kéo người vào đạo và phát triển đạo trái phép ở các huyện miền núi...

Tình hình tội phạm tuy đã được kiềm chế, song những vấn đề bức xúc, nổi cộm đang nổi lên ở cơ sở, như: tranh chấp đất đai, khiếu kiện đông người có liên quan đến bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư ở các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Dung Quất, vùng triển khai các dự án diễn ra phức tạp, có nguy cơ trở thành “điểm nóng”, nếu không chủ động phòng ngừa. Tội phạm hình sự, kinh tế, ma túy có chiều hướng gia tăng, gần đây xuất hiện các nhóm tội phạm trong lứa tuổi vị thành niên gây lo lắng trong dư luận xã hội; phong trào toàn dân bảo vệ tổ quốc ở địa bàn cơ sở chưa thật sự vững chắc, trật tự giao thông, trật tự công cộng có chuyển biến nhưng chưa cơ bản...

Trước tình hình trên, cùng với lực lượng Công an chính qui, lực lượng Công an xã đang đối mặt với những thách thức to lớn trước nhiệm vụ giữ gìn an ninh - trật tự trong tình hình mới ở địa bàn cơ sở.

2. Thực trạng về biên chế tổ chức; điều kiện đảm bảo và hoạt động của CA xã, thị trấn hiện nay (sau đây gọi chung là CA xã):

a) Về biên chế, tổ chức:

Toàn tỉnh hiện có 167 Ban Công an xã, gồm 1.834 người, trong đó Trưởng CA xã 167 đ/c, Phó Trưởng CA xã 221 đ/c (bao gồm có 54 xã trọng điểm, phức tạp bố trí 02 Phó Trưởng CA xã), CA viên 1.446 đ/c (bao gồm mỗi xã có 3 CA viên thường trực). Phân tích về trình độ:

- Trình độ học vấn: Tốt nghiệp Tiểu học 121 đ/c, chiếm 6,6% (Công an viên); tốt nghiệp THCS 617 đ/c, chiếm 33,6% (Phó Trưởng CA xã: 72, Công an viên: 545); Tốt nghiệp THPT 847 đ/c, chiếm 46,2% (Trưởng CA xã: 150, Phó Trưởng CA xã: 123, Công an viên: 574); số đang theo học THPT 249 đ/c, chiếm 13,6% (Trưởng CA xã: 17, Phó Trưởng CA xã: 26, Công an viên: 206).

- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Tốt nghiệp đại học các ngành 05 đ/c, chiếm 0,4% (Trưởng CA xã: 01, Phó Trưởng CA xã: 04); trung cấp 141 đ/c, chiếm 7,7%, trong đó Trung cấp nghiệp vụ CA 79 đ/c (Trưởng CA xã: 26, Phó Trưởng CA xã: 34, Công an viên: 19), Trung cấp các ngành khác 62 đ/c, (Trưởng CA xã: 14, Phó Trưởng CA xã: 24, Công an viên: 24); đang học Trung cấp nghiệp vụ CA xã 93 đ/c, chiếm 5,1 % (Trưởng CA xã: 09, Phó Trưởng CA xã: 24, Công an viên: 60); còn lại 1.595 đ/c chưa qua đào tạo chuyên môn nghiệp vụ (chiếm 86,9%).

- Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 01 đ/c, chiếm 0,1 (Trưởng Công an xã); Trung cấp 106 đ/c, chiếm 5,8% (Trưởng CA xã: 66, Phó Trưởng CA xã: 40); Sơ cấp 220 đ/c, chiếm 12% (Trưởng CA xã: 60, Phó Trưởng CA xã: 90, Công an viên: 70); còn lại 1.507 đ/c chưa qua các lớp lý luận chính trị (chiếm 82,10%).

Căn cứ Điều 10 Pháp lệnh Công an xã và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 73/CP của Chính phủ quy định khung số lượng Phó Trưởng CA xã và CA viên như sau: Mỗi xã được bố trí 01 Phó Trưởng CA xã; xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự, xã loại 1 và xã loại 2 được bố trí không quá 02 Phó trưởng CA xã. Mỗi thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc và đơn vị dân cư tương đương được bố trí 01 CA viên. Đối với thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc và đơn vị dân cư tương đương thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự, xã loại 1 và xã loại 2 được bố trí không quá 02 CA viên; trụ sở hoặc nơi làm việc của CA xã được bố trí không quá 03 CA viên làm nhiệm vụ thường trực 24/24 giờ hàng ngày.

Đối chiếu với qui định của Chính phủ thì thực trạng lực lượng CA xã hiện nay vừa thiếu, vừa yếu so với yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ ANTT ở cơ sở. Do vậy cần phải được củng cố, kiện toàn về tổ chức CA xã để đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ trong tình hình hiện nay.

b) Về điều kiện đảm bảo:

- Trang thiết bị:

+ Về trang phục: Thực hiện theo Điều 21 Nghị định số 40/1999/NĐ-CP ngày 23/6/1999 của Chính phủ về Công an xã, từ năm 2001 đến nay, do ngân sách của tỉnh còn hạn hẹp nên chưa thể bố trí nguồn; để kịp thời trang bị trang phục cấp cho lực lượng Công an xã, Công an tỉnh đã chủ động trích một phần trong nguồn kinh phí Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ hàng năm về công tác an ninh - trật tự để mua trang phục cho Trưởng và Phó Trưởng Công an xã. Từ năm 2007 đến nay đã mua và cấp phát cho lực lượng Công an xã trong toàn tỉnh mỗi đ/c 01 bộ quần áo + 01 mũ mềm + 01 sao hiệu Công an xã theo đúng mẫu quy định tại Quyết định số 1010/2003/QĐ-BCA(H11), ngày 18/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công an.

Xuất phát từ tình hình thực tiễn ở cơ sở, Công an một số huyện, cũng đã đề nghị UBND cùng cấp hỗ trợ kinh phí để mua, cấp phát trang phục cho lực lượng Công an xã mỗi đ/c 01 bộ quần áo.

+ Về vũ khí, công cụ hỗ trợ, phương tiện: Theo thống kê báo cáo của Công an các huyện, thành phố trong 167 Ban Công an xã, thị trấn không chính quy hiện nay có: 17 súng ngắn, 16 dùi cui điện (ngân sách xã tự mua), 223 gậy cao su, 50 còng số 8; có 51/167 Ban Công an xã được UBND xã lắp đặt máy điện thoại cố định riêng tại nơi làm việc; 136/167 Ban Công an xã được trang bị tủ đựng tài liệu, hồ sơ.

+ Về trụ sở làm việc: Hiện có 26/167 Ban Công an xã có phòng làm việc riêng trong khuôn viên trụ sở UBND xã, 141/167 Ban Công an xã có phòng làm việc chung cùng trụ sở UBND xã; một số xã ở các huyện miền núi hiện nay chưa có phòng làm việc riêng, còn bố trí làm việc chung với Xã đội hoặc Tư pháp xã. Diện tích bố trí cho

các Ban Công an xã để vừa làm việc, vừa tiếp dân bình quân từ 12 - 20 m², chủ yếu là nhà cấp 4, so với yêu cầu thì rất chật hẹp, chưa đảm bảo phục vụ công tác.

- Chế độ chính sách:

+ Từ 1999 - cuối 2004, phụ cấp hàng tháng của Công an xã được ngân sách địa phương chi trả theo Điều 12 Nghị định số 40/1999/NĐ-CP ngày 23/6/1999 của Chính phủ về Công an xã và được hưởng các chế độ BHXH, BHYT (Trưởng Công an xã 480.000đ/tháng; Phó Trưởng Công an xã 320.000đ/tháng; Công an viên 160.000đ/tháng). Tuy phụ cấp hàng tháng có thấp, nhưng được hưởng chế độ BHXH và BHYT.

+ Từ 2005 - 12/2006, phụ cấp hàng tháng của Công an xã được ngân sách địa phương chi trả thực hiện theo Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21/10/2003 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn; Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 11/12/2004 của HĐND tỉnh với mức: Trưởng Công an xã được hưởng chế độ tiền lương của công chức cấp xã và được hưởng chế độ BHXH và BHYT; Phó Trưởng Công an xã hưởng mức phụ cấp cán bộ không chuyên trách cấp xã là 270.000đ/tháng, Công an viên hưởng mức phụ cấp 120.000đ/tháng và đều không được hưởng chế độ BHXH, BHYT.

+ Từ tháng 12/2006 đến nay, được thực hiện chi trả theo Nghị quyết số 57/2006/NQ-HĐND ngày 12/12/2006 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh mức phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố với mức: Trưởng Công an xã hưởng chế độ tiền lương của công chức cấp xã và được hưởng chế độ BHXH, BHYT; Phó Trưởng Công an xã hưởng mức phụ cấp cán bộ không chuyên trách cấp xã là 450.000đ/tháng, Công an viên hưởng mức phụ cấp là 270.000đ/tháng và vẫn không được hưởng chế độ BHXH, BHYT.

c) Về hoạt động của Công an xã:

- Trong những năm qua, hoạt động của lực lượng Công an xã trong toàn tỉnh luôn bám sát nội dung Nghị định số 40/1999/NĐ-CP ngày 23/6/1999 của Chính phủ về Công an xã, các hướng dẫn của Bộ Công an và Giám đốc Công an tỉnh. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp ủy Đảng, sự quản lý điều hành của UBND cùng cấp, hướng dẫn nghiệp vụ của Công an cấp trên, lực lượng Công an xã đã làm tốt vai trò tham mưu cho cấp ủy, chính quyền chỉ đạo tổ chức thực hiện các qui định của pháp luật có liên quan đến công tác giữ gìn an ninh - trật tự, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTT, xây dựng lực lượng Công an xã ngày càng vững mạnh.

- Chủ trì, phối hợp với các lực lượng có liên quan trên địa bàn tổ chức công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống các loại tội phạm và tệ nạn xã hội; tham gia công tác quản lý Nhà nước về ANTT ở cơ sở, làm nòng cốt trong công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTT, đã góp phần quan trọng trong việc bảo vệ ANTT ở địa bàn cơ sở, phục vụ kịp thời các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội ở từng địa phương.

- Tuy nhiên, do những bất cập về tổ chức biên chế, trình độ văn hóa, nghiệp vụ của lực lượng Công an xã; trang thiết bị, kinh phí, cơ sở vật chất và chế độ chính sách đảm bảo cho hoạt động của Công an xã còn hạn chế, nên đã làm ảnh hưởng đến hiệu quả, chất lượng công tác của Công an xã trong thời gian qua.

Trước thực trạng trên, để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự trong tình mới, đòi hỏi phải củng cố, xây dựng lực lượng Công an xã toàn diện về mọi mặt, tạo mọi điều kiện thuận lợi để đảm bảo cho hoạt động của lực lượng Công an xã theo đúng Pháp lệnh Công an xã đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành.

Phần thứ hai **NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2010 – 2015**

I. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Quán triệt quan điểm của Đảng và Nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, trong đó lực lượng Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt.

2. Phải bảo đảm phù hợp với quy định của Pháp lệnh CA xã và các quy định của pháp luật có liên quan; đúng với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng về CA xã trong chiến lược bảo vệ ANQG, giữ gìn trật tự ATXH trong giai đoạn cách mạng hiện nay và những năm tiếp theo nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, an toàn xã hội và đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật ngay từ địa bàn cơ sở.

3. Xác định cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp có trách nhiệm xây dựng, củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng cho đội ngũ CA xã, chú trọng công tác tuyển chọn, đào tạo cán bộ, bố trí đủ số lượng, đảm bảo chất lượng; nhất là về phẩm chất chính trị, năng lực, phương pháp và tác phong công tác, sâu sát cơ sở, gần gũi với nhân dân. Trong tuyển chọn, bố trí, sử dụng Công an xã phải bảo đảm tính ổn định tính kế thừa, phát triển, đáp ứng yêu cầu đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa bàn.

II. MỤC TIÊU

1. Phần đầu xây dựng lực lượng CA xã đạt trình độ văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ, chính trị đúng theo Quy định tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (*Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16/01/2004 của Bộ trưởng Bộ Nội Vụ*), đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

2. Đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng:

- Đảm bảo về số lượng: Mỗi xã, thị trấn, bố trí 01 Trưởng CA và 01 Phó Trưởng CA; từ 02 đến 03 CA viên thường trực tại xã (rút từ số Công an viên thôn, tổ dân phố); mỗi thôn, tổ dân phố bố trí 01 Công an viên.

- Đảm bảo về chất lượng: Trưởng Công an, Phó Trưởng CA và CA viên của xã, thị trấn ở các huyện đồng bằng đạt tiêu chuẩn về trình độ học vấn từ trung học phổ thông trở lên; Trưởng Công an, Phó Trưởng CA và CA viên của các xã, thị trấn ở các huyện miền núi, huyện đảo đạt tiêu chuẩn trình độ trung học cơ sở trở lên. Đào tạo trung cấp nghiệp vụ Công an nhân dân cho cán bộ là Trưởng Công an, Phó Trưởng Công an xã và cán bộ dự nguồn Công an xã; định kỳ huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ cho Trưởng Công an, Phó Trưởng Công an xã và Công an viên.

3. Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị và chế độ, chính sách:

Thực hiện theo Pháp lệnh Công an xã và Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Về củng cố, kiện toàn lực lượng Công an xã:

a) Về nguồn nhân lực:

- Củng cố, kiện toàn lực lượng Công an xã phải bám sát mục tiêu nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự ở cơ sở, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của các cấp ủy đảng, sự chỉ đạo điều hành của chính quyền địa phương và hướng dẫn nghiệp vụ của Công an huyện, thành phố (gọi chung là Công an cấp huyện). Các cấp ủy đảng, chính quyền các địa phương và Công an tỉnh phải nhận thức sâu sắc ý nghĩa, tầm quan trọng và sự cần thiết của nhiệm vụ củng cố, kiện toàn lực lượng Công an xã. Coi đây là nhiệm vụ vừa có tính chiến lược lâu dài, vừa là yêu cầu cấp bách trong công tác xây dựng thế trận an ninh nhân dân.

- Củng cố, kiện toàn lực lượng Công an xã phù hợp với định hướng xây dựng nguồn nhân lực cho cơ sở, tiến tới trang bị cho đội ngũ cán bộ Công an xã có bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành tuyệt đối với Đảng, với Tổ quốc; có tinh thần vì nhân dân phục vụ; có trình độ học vấn trung học phổ thông, được đào tạo lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ; có ý thức tổ chức kỷ luật, tự giác đề cao tinh thần trách nhiệm, gắn bó mật thiết với nhân dân.

- Tổ chức khảo sát, đánh giá toàn diện tình hình an ninh, trật tự và đội ngũ cán bộ Công an xã toàn tỉnh, lấy đó làm cơ sở xây dựng kế hoạch cụ thể về củng cố, kiện toàn mô hình Công an xã và đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng, năng lực cho đội ngũ cán bộ Công an xã. Trong khảo sát, cần chú trọng các tiêu chí lần lượt về tình hình an ninh, trật tự, dân số, kinh tế - xã hội, vị trí địa lý... để chủ động bố trí cơ cấu cán bộ (trong tổng thể cơ cấu cán bộ của xã) và đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng, năng lực cho đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu công tác, chiến đấu. Trước mắt trong năm 2010, cần sắp xếp cơ cấu lại đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy Công an xã đủ 01 trưởng, 01 phó. Đồng thời, chú trọng xây dựng quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy Công an xã đáp ứng các tiêu chí về định biên quy hoạch (trong cơ cấu của xã), trình độ, năng lực, độ tuổi và tính khả thi trong đề bạt vào vị trí lãnh đạo, chỉ huy.

- Đẩy mạnh công tác tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng cho đội ngũ cán bộ Công an xã. Trước mắt, ưu tiên đào tạo trung cấp nghiệp vụ Công an nhân dân cho cán bộ là Trưởng Công an, Phó Trưởng Công an và cán bộ dự nguồn Công an xã; định kỳ huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ Công an nhân dân cho Trưởng, Phó Trưởng Công an xã và Công an viên. Từ năm 2010 trở đi, các trường hợp tuyển dụng vào công tác trong lực lượng Công an xã (không tính Công an thôn, ấp, bản) phải có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông, bổ túc trung học phổ thông trở lên; thay thế dần số cán bộ có trình độ thấp để đến năm 2015 tất cả cán bộ Công an xã có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông, bổ túc trung học phổ thông trở lên (trừ các xã miền núi đặc biệt khó khăn về nguồn nhân lực).

- Có kế hoạch cụ thể đào tạo riêng cho cán bộ Công an xã miền núi, chủ yếu từ nguồn nhân lực tại chỗ, kết hợp tuyển chọn con em người dân tộc tại các trường phổ thông dân tộc nội trú để tổ chức đào tạo nâng cao trình độ học vấn và đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ Công an, tạo nguồn cán bộ có chất lượng cho các xã miền núi.

- Đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính của Công an xã trong giải quyết các công việc của tổ chức, công dân thuộc chức năng, nhiệm vụ của Công an cấp xã, nhất là các lĩnh vực công tác đăng ký, quản lý cư trú; kiểm tra hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự.... Về lâu dài nghiên cứu xây dựng danh mục cụ thể các công việc Công an cấp xã cải cách thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu giải quyết công việc của tổ chức, công dân theo hướng đơn giản hóa, đảm bảo nhanh gọn, chính xác, kịp thời.

- Rà soát, hệ thống hóa các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của chính quyền các cấp, của lực lượng Công an chính quy đối với lực lượng Công xã trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự ở cơ sở và xây dựng Công an xã để bổ sung, sửa đổi hoặc hủy bỏ những văn bản chồng chéo, mâu thuẫn... Công an cấp huyện tăng cường công tác kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất, nhằm định hướng chỉ đạo, hướng dẫn nâng cao chất lượng các mặt công tác Công an cấp xã.

b) Về cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Tổ chức khảo sát, đánh giá chất lượng các trang thiết bị, phương tiện hiện có của Công an cấp xã, làm cơ sở đề xuất cấp mới hoặc sửa chữa số hư hỏng. Trước mắt trích kinh phí ngân sách của xã trang bị cho Công an các xã mỗi đơn vị 01 máy điện thoại cố định và khoán cước phí 200.000đồng/máy/tháng; Công an tỉnh lập dự trù, trình Bộ Công an trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ cho Công an xã theo Pháp lệnh về Công an xã và lập dự trù, trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí mua cấp đảm bảo cho 100% xã phải có đủ cơ sở về gậy điện, gậy cao su, còng số 8, tủ đựng tài liệu và nghiên cứu tính toán trang bị máy vi tính cho Công an xã, gắn với sự hợp lý về trình độ, khả năng sử dụng của đội ngũ cán bộ để tránh lãng phí.

- Cân đối nguồn ngân sách đầu tư xây dựng cơ bản, bố trí cho các địa phương xây dựng nhà làm việc Công an xã trong khuôn viên trụ sở Đảng ủy, UBND xã, có diện tích tương xứng để làm việc và tiếp công dân. Trước mắt ưu tiên cho Công an

các xã chưa có nơi làm việc độc lập, về cơ bản sau năm 2015 đảm bảo 100% Công an xã đều có nơi làm việc chính thức, đáp ứng yêu cầu công tác.

- Triển khai thực hiện tốt các chế độ chính sách đãi ngộ hợp lý cho cán bộ Công an xã, nhất là các xã miền núi, hải đảo theo chủ trương của Chính phủ và Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng thời nghiên cứu đề xuất nâng mức phụ cấp cho lực lượng Công an xã tương xứng với công việc được giao, kết hợp nghiên cứu có chính sách hỗ trợ hợp lý để khuyến khích, động viên; vận dụng hỗ trợ, trợ cấp khó khăn từ các nguồn kinh phí đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo cho cán bộ Công an xã có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn.

2. Về kinh phí phục vụ triển khai đề án:

- Tổng dự toán kinh phí: 31.338.984.000đ (*Ba mươi một tỷ ba trăm ba mươi tám triệu đồng chín trăm tám mươi tư ngàn đồng*).

- Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh.

(Có kèm theo các phụ lục về phân khai kinh phí và phân kỳ hàng năm)

3. Lộ trình các bước triển khai thực hiện Đề án:

Bước 1: Triển khai khảo sát, đánh giá toàn diện tình hình an ninh, trật tự và đội ngũ cán bộ Công an xã toàn tỉnh và cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện hiện có của Công an cấp xã; rà soát, hệ thống hóa các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của chính quyền các cấp, của lực lượng Công an chính quy đối với lực lượng Công an xã trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự ở cơ sở và xây dựng Công an xã.

- Cơ quan chỉ đạo: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Công an tỉnh.

- Cơ quan phối hợp thực hiện: Sở Nội vụ và Chính quyền các địa phương.

- Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước quý I/2010.

- Sản phẩm: Báo cáo tổng hợp.

Bước 2: Tham mưu, trình Tỉnh ủy ban hành chỉ thị tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác củng cố, xây dựng lực lượng Công an cấp xã.

- Cơ quan chỉ đạo: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Công an tỉnh.

- Cơ quan phối hợp thực hiện: Văn phòng UBND tỉnh.

- Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước quý II/2010.

- Sản phẩm: Văn bản chỉ đạo.

Bước 3: Xây dựng kế hoạch củng cố, kiện toàn và đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Công an xã; chính sách hỗ trợ cho lực lượng Công an xã.

- Cơ quan chỉ đạo: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Công an tỉnh.

- Cơ quan phối hợp thực hiện: Sở Nội vụ, Sở Tài chính và chính quyền các địa phương.

- Thời gian thực hiện: Việc xây dựng kế hoạch hoàn thành, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trong quý III/2010; Việc triển khai thực hiện bắt đầu từ quý IV/2010 đến hết năm 2015.

- Sản phẩm: Văn bản định hướng công tác đào tạo, bồi dưỡng; Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Công an xã.

Bước 4: Triển khai sửa chữa, nâng cấp nhà làm việc, trang bị cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu công tác cho lực lượng Công an xã.

- Cơ quan chỉ đạo: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Chính quyền các huyện, thành phố.

- Cơ quan phối hợp thực hiện: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng và Công an cấp huyện.

- Thời gian thực hiện: Việc lập dự toán: Chính quyền các huyện, thành phố lập dự toán trong phạm vi địa phương báo cáo Sở Xây dựng tổng hợp, phối hợp Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập dự toán tổng thể, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong quý IV/2010; Việc triển khai thực hiện bắt đầu từ năm 2011 đến hết năm 2015.

- Sản phẩm: Dự toán xây dựng nhà làm việc, trang bị cơ sở vật chất cho Công an xã; Nhà làm việc, cơ sở vật chất của Công an xã.

Bước 5: Triển khai thực hiện cải cách thủ tục hành chính của Công an xã.

- Cơ quan chỉ đạo: Công an tỉnh.

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Công an cấp huyện

- Cơ quan phối hợp thực hiện: Chính quyền các địa phương.

- Thời gian thực hiện: Việc xây dựng kế hoạch hoàn thành trong quý II/2010; Việc triển khai thực hiện bắt đầu từ quý II/2010 đến hết năm 2015.

- Sản phẩm: Tiện ích cho tổ chức, công dân đến liên hệ công tác tại Công an xã.

Phần thứ ba TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công an tỉnh: Là cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ và các ngành liên quan chỉ đạo việc soạn thảo chương trình, nội dung đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phù hợp với từng đối tượng; xác định xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị Bộ trưởng Bộ Công an xem xét quyết định. Căn cứ vào khung số

lượng Phó Trưởng Công an xã, Công an viên và tình hình thực tế của địa phương, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định cụ thể số lượng Phó Trưởng Công an xã, Công an viên từng xã.

b) Lập dự trù kinh phí phục vụ công tác đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng, xây dựng nhà làm việc, nhà tạm giữ hành chính; kinh phí mua sắm trang thiết bị, sổ sách, biểu mẫu, phương tiện phục vụ công tác của Công an xã; vũ khí, công cụ hỗ trợ, trang phục, phù hiệu, giấy chứng nhận CA xã, kinh phí tổng kết khen thưởng, chi khác báo cáo Bộ Công an và Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, hỗ trợ hằng năm.

c) Chỉ đạo Công an huyện, thành phố, các phòng chức năng trong công tác tuyển chọn, bố trí, đào tạo nhân sự, thực hiện chính sách khác theo qui định cho Công an xã.

d) Hướng dẫn, quản lý việc sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ.

đ) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành chức năng và địa phương giải quyết hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện những nội dung của Đề án.

2. Sở Nội vụ:

Phối hợp với Công an tỉnh và các Sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch mở lớp đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ hằng năm cho lực lượng Công an xã trong toàn tỉnh.

3. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Sở Nội vụ dự toán cụ thể mức kinh phí phục vụ nhiệm vụ đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng; kinh phí mua sắm, trang phục, phù hiệu, giấy chứng nhận CA xã, trụ sở làm việc.

b) Hàng năm, căn cứ chế độ quy định và kinh phí phê duyệt của Đề án có trách nhiệm trình Chủ tịch UBND tỉnh bố trí trong chi cân đối ngân sách chi thường xuyên về giáo dục (trong đó có đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ cơ sở) để giao dự toán ngân sách cho Công an tỉnh.

c) Có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí ngân sách địa phương bảo đảm thực hiện các nội dung công việc của Đề án; kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí theo đúng Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tài chính tổng hợp và cân đối kế hoạch đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng lực lượng CA xã, thị trấn.

b) Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, nhà tạm giữ hành chính của Công an xã, thị trấn hàng năm, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

5. Văn phòng UBND tỉnh:

Phối hợp với Công an tỉnh, các Sở, ban ngành có liên quan và UBND các cấp theo dõi việc thực hiện Đề án.

6. UBND huyện, thành phố:

Chủ động trong việc lập kế hoạch xây dựng nhà làm việc, nhà tạm giữ hành chính; lập dự trù kinh phí cho huyện, thành phố báo cáo Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để trình Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến chỉ đạo thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Huế

**Khái toán kinh phí mua trang phục cho Công an xã
Từ 2010 - 2015**

Phụ lục 1

| T T | Nội dung | Thành tiền (Đồng) | Ghi chú |
|-------------------|--|------------------------------|--------------------|
| 1 | Mũ mềm (22.000đ/cái x 1834 cái x 3 lần cấp) | 121.044.000 | 2 năm cấp 1 cái |
| 2 | Mũ cứng (50.000đ/cái x 1834 cái x 2 lần cấp) | 183.400.000 | 3 năm cấp 1 cái |
| 3 | Mũ bảo hiểm (200.000đ/cái x 1834 cái x 1 lần cấp) | 366.800.000 | 5 năm cấp 1 cái |
| 4 | Quần áo xuân hè (180.000đ/bộ x 1834 bộ x 6 lần cấp) | 1.980.720.000 | 1 năm cấp 1 bộ |
| 5 | Quần áo xuân hè trang bị cấp thay cho quần áo thu đông (180.000đ/bộ x 1834 bộ x 3 lần cấp) | 990.360.000 | 2 năm cấp 1 bộ |
| 6 | Dây lưng nhỏ (35.000đ/dây x 1834 cái x 2 lần cấp) | 128.380.000 | 3 năm cấp 1 dây |
| 7 | Dày da (200.000đ/đôi x 1834 đôi x 3 lần cấp) | 1.100.400.000 | 2 năm cấp 1 đôi |
| 8 | Bít tất (10.000đ/đôi x 1834 đôi x 02 đôi x 6 lần cấp) | 220.080.000 | 1 năm cấp 2 đôi |
| 9 | Quần, áo đi mưa (200.000đ/bộ x 1834 bộ x 2 lần cấp) | 733.600.000 | 3 năm cấp 1 bộ |
| Tổng cộng: | | 5.824.784.000 | |

Bằng chữ: Năm tỷ, tám trăm hai bốn triệu, bảy trăm tám bốn ngàn đồng chẵn.

Khái toán kinh phí mua sắm vũ khí, công cụ hỗ trợ, dụng cụ cho Công an xã từ 2010 - 2015

Phụ lục 2

| TT | Nội dung | Thành tiền (Đồng) | Ghi chú |
|-----------|--|--------------------------|---|
| 1 | Kinh phí mua vũ khí, công cụ hỗ trợ, dụng cụ | 3.559.150.000 | |
| 2 | Gậy cao su 80.00đ/cây x (167 xã x 5 cây/xã + 945 thôn x 1 cây) x 2 lần cấp | 284.800.000 | - 5 cây/xã đề thường trực. - 1 cây/thôn cho CA viên. |
| 3 | Bao tay bắt dao ngăn tay: 600.000đ/đôi x (167 xã x 2 đôi) | 200.400.000 | |
| 4 | Găng tay chống kim ma túy: 800.000đ/đôi x (167 xã x 2 đôi) | 267.200.000 | |
| 5 | Áo chống đâm: 1.000.000đ/cái x (167 xã x 2 cái/Ban CA xã) | 334.000.000 | |
| 6 | Đèn pin loại 4 pin không vào nước cấp cho thường trực tại CA xã: 120.000đ/cái x (167 xã x 5 cái x 3 lần cấp) | 300.600.000 | 2 năm cấp 1 cái. |
| 7 | Đèn pin loại ác quy sạc cấp cho CA viên ở thôn: 65.000đ/cái x (945 thôn x 1 cái x 6 lần cấp) | 368.550.000 | 1 năm cấp 1 cái. |
| 8 | Loa phóng thanh Nhật (2.500.000đ/cái x 167 xã) | 417.500.000 | |
| 9 | Giường cá nhân: 500.000đ/cái x (4 cái/Ban CA xã x 167 xã) | 334.000.000 | |
| 10 | Bàn ghế làm việc: 1.500.000đ/bộ gồm 01 bàn + 06 ghế x (03 bộ/Ban CA xã x 167 xã) | 751.500.000 | |
| 11 | Máy điện thoại bàn (gồm kinh phí lắp đặt): 750.000đ/máy x (1máy/Ban CA xã x 167 xã) | 125.250.000 | |
| 12 | Máy vi tính: 12.000.000đ/bộ (gồm máy vi tính, bàn ghế vi tính, máy in) x (1bộ/Ban CA xã x 167 xã) | 2.004.000.000 | |
| 13 | Tủ sắt bảo quản hồ sơ, tài liệu, vũ khí và công cụ hỗ trợ: 2.700.000đ/tủ x (02 tủ/Ban CA xã x 167 xã) | 901.800.000 | |
| 14 | Mùng cá nhân: 50.000đ/cái x (167 xã x 4 cái x 3 lần cấp) | 100.200.000 | 2 năm cấp 1 cái. |
| 15 | Tấm đắp: 100.000đ/cái x (167 xã x 4 cái/xã x 3 lần cấp) | 200.400.000 | 2 năm cấp 1 cái. |
| | Tổng cộng: | 6.590.200.000 | |

Bảng chữ: Sáu tỷ, năm trăm chín chục triệu, hai trăm ngàn đồng chẵn.

**Khái toán kinh phí xây dựng trụ sở làm việc, nhà tạm giữ
cho Công an xã từ 2010 - 2015**

Phụ lục 3

| TT | Nội dung | Thành tiền (Đồng) | Ghi chú |
|-----------|--|------------------------------|--|
| 1 | Trụ sở làm việc Ban CA xã kết cấu 4 phòng gồm: 1 phòng làm việc, 1 phòng tiếp dân, 1 phòng nhà tạm giữ, công trình vệ sinh: Tổng diện tích $60m^2 \times 1.200.000đ/m^2 = 72.000.000đ \times 167$ xã. | | Chưa tính tiền đền bù, giải phóng mặt bằng,... |
| 2 | Năm 2010 xây trụ sở làm việc cho 54 Ban CA xã trọng điểm, phức tạp: xã An Vĩnh, Anh Hải, An Bình (Lý Sơn); xã Trà Thủy, Trà Giang, Trà Hiệp (Trà Bồng); xã Trà Thanh, Trà Khê, Trà Xinh (Tây Trà); xã Sơn Bua, Sơn Mùa, Sơn Dung, Sơn Lập, Sơn Long, Sơn Liên (Sơn Tây); xã Sơn Kỳ (Sơn Hà); xã Ba Ngạc, Ba Vì, Ba Tiêu, Ba Xa, Ba Nam, Ba Lế, Ba Trang (Ba Tơ); xã Phổ Phong, Phổ Châu, Phổ Thạnh, Phổ Vinh, Phổ Khánh, Phổ Quang, Phổ An (Đức Phổ); xã Đức Phong, Đức Minh, Đức Chánh, Đức Thắng, Đức Lợi (Mộ Đức); xã Nghĩa Hiệp, Nghĩa Hòa, Nghĩa An, Nghĩa Phú (Tư Nghĩa); xã Tịnh Phong, Tịnh Khê, Tịnh Kỳ, Tịnh Hòa (Sơn Tịnh); xã Bình Châu, Bình Phú, Bình Hải, Bình Trị, Bình Thuận, Bình Đông, Bình Thạnh, Bình Khương, Bình An, Bình Chánh, Bình Phước (Bình Sơn). | 3.888.000.000 | |
| 3 | Năm 2011 xây trụ sở làm việc cho 57 Ban CA xã đồng bằng, miền núi. | 4.104.000.000 | |
| 4 | Năm 2012 xây trụ sở làm việc cho 56 Ban CA xã đồng bằng, miền núi còn lại. | 4.032.000.000 | |
| | Tổng cộng: | 12.024.000.000 | |

Bảng chữ: Mười hai tỷ, không trăm, hai bốn triệu đồng chẵn.

Khái toán kinh phí đảm bảo cho công tác đào tạo, huấn luyện lực lượng CA xã từ 2010 - 2015

Phụ lục 4

| TT | Nội dung | Thành tiền (Đồng) | Ghi chú |
|-----------|---|--------------------------|----------------|
| 1 | Kinh phí đào tạo chương trình Trung cấp nghiệp vụ CA xã cho Trưởng + Phó CA xã | 4.500.000.000 | |
| 2 | 01 lớp đào tạo Trung cấp x 1.500.000.000đ x 03 lớp | 4.500.000.000 | 2 năm mở 1 lớp |
| 3 | Kinh phí huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ Trưởng, Phó Trưởng CA xã, CA viên thường trực hằng năm | 2.400.000.000 | |
| 4 | 01 lớp huấn luyện Trưởng, Phó CA xã x 200.000.000đ x 06 lớp | 1.200.000.000 | 1 năm mở 1 lớp |
| 5 | 01 lớp bồi dưỡng CA viên x 100.000.000đ x 12 lớp | 1.200.000.000 | 1 năm mở 2 lớp |
| | Tổng cộng | 6.900.000.000 | |

Bảng chữ: Sáu tỷ, chín trăm triệu đồng chẵn.

Bảng chi tiết 1

**Khái toán kinh phí phục vụ xây dựng,
củng cố CA xã (Năm 2010)**

| TT | Nội dung | Thành tiền (Đồng) | Ghi chú |
|----|---|----------------------|---------|
| 1 | Mua trang phục | 1.993.558.000 | |
| 2 | Mua mũ mềm | 40.348.000 | |
| 3 | Mua mũ cứng | 91.700.000 | |
| 4 | Mua mũ bảo hiểm | 366.800.000 | |
| 5 | Mua quần áo xuân hè | 330.120.000 | |
| 6 | Mua quần áo xuân hè trang bị thay thế quần áo thu đông | 330.120.000 | |
| 7 | Mua dây lưng nhỏ | 64.190.000 | |
| 8 | Mua dày da | 366.800.000 | |
| 9 | Mua bút tất | 36.680.000 | |
| 10 | Mua quần, áo đi mưa | 366.800.000 | |
| 11 | Mua vũ khí, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị | 2.954.425.000 | |
| 12 | Mua gậy cao su | 142.400.000 | |
| 13 | Mua bao tay bắt dao găm | 200.400.000 | |
| 14 | Mua găng tay chống kim ma túy | 267.200.000 | |
| 15 | Mua áo chống đâm | 334.000.000 | |
| 16 | Mua đèn pin loại 4 viên không ngấm nước | 100.200.000 | |
| 17 | Mua đèn pin loại ắc quy sạc | 61.425.000 | |
| 18 | Mua loa phóng thanh Nhật | 417.500.000 | |
| 19 | Mua giường cấp cho 54 xã trọng điểm | 108.000.000 | |
| 20 | Mua bàn làm việc cho 54 xã trọng điểm | 243.000.000 | |
| 21 | Mua vi tính cho 54 xã trọng điểm | 648.000.000 | |
| 22 | Lắp đặt điện thoại bàn cho 54 xã trọng điểm | 40.500.000 | |
| 23 | Mua tủ sắt bảo quản hồ sơ, tài liệu, vũ khí và công cụ hỗ trợ cho 54 xã trọng điểm, phức tạp (1 loại 4 ngăn, 1 loại 2 ngăn) | 291.600.000 | |
| 24 | Mua mũng cá nhân | 33.400.000 | |
| 25 | Mua tấm đập cá nhân | 66.800.000 | |
| 26 | Xây dựng trụ sở làm việc Ban CA xã | 3.888.000.000 | |
| 27 | Xây dựng trụ sở làm việc cho 54 Ban CA xã trọng điểm, phức tạp | 3.888.000.000 | |
| 28 | Kinh phí đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng | 400.000.000 | |
| 29 | Mở 1 lớp huấn luyện nghiệp vụ Trưởng, phó CA xã | 200.000.000 | |
| 30 | Mở 2 lớp bồi dưỡng CA viên | 200.000.000 | |
| | Tổng cộng: | 9.235.983.000 | |

Bảng chữ: Chín tỷ, hai trăm ba lăm triệu, chín trăm tám ba ngàn đồng chẵn.

Bảng chi tiết 2

**Khái toán kinh phí phục vụ xây dựng,
củng cố CA xã (Năm 2011)**

| TT | Nội dung | Thành tiền (Đồng) | Ghi chú |
|-----------|---|------------------------------|--------------------|
| 1 | Mua trang phục | 366.800.000 | |
| 2 | Mua quần áo xuân hè đến niên hạn | 330.120.000 | |
| 3 | Mua bút tất đến niên hạn | 36.680.000 | |
| 4 | Mua vũ khí, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị | 1.466.475.000 | |
| 5 | Mua đèn pin loại ắc quy sạc | 61.425.000 | |
| 6 | Mua giường cấp cho 57 xã mới xây trụ sở | 114.000.000 | |
| 7 | Mua tủ sắt bảo quản hồ sơ, tài liệu, vũ khí và công cụ hỗ trợ cho 57 xã mới xây trụ sở (1 loại 4 ngăn, 1 loại 2 ngăn) | 307.800.000 | |
| 8 | Mua vi tính cho 57 xã mới xây trụ sở | 684.000.000 | |
| 9 | Lắp đặt điện thoại bàn cho 57 xã mới xây trụ sở | 42.750.000 | |
| 10 | Mua bàn làm việc cho 57 xã mới xây trụ sở làm việc | 256.500.000 | |
| 11 | Xây dựng trụ sở làm việc Ban CA xã | 4.104.000.000 | |
| 12 | Xây dựng trụ sở làm việc cho 57 Ban CA xã đồng bằng, miền núi | 4.104.000.000 | |
| 13 | Kinh phí đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng | 1.900.000.000 | |
| 14 | Mở 1 lớp đào tạo Trung cấp CA xã | 1.500.000.000 | |
| 15 | Mở 1 lớp huấn luyện nghiệp vụ Trưởng, phó CA xã | 200.000.000 | |
| 16 | Mở 2 lớp bồi dưỡng CA viên | 200.000.000 | |
| | Tổng cộng | 7.837.275.000 | |

Bảng chữ: Bảy tỷ, tám trăm ba bảy triệu, hai trăm bảy lăm ngàn đồng chẵn).

Bảng chi tiết 3

**Khái toán kinh phí phục vụ xây dựng,
củng cố CA xã (Năm 2012)**

| TT | Nội dung | Thành tiền (Đồng) | Ghi chú |
|----|---|----------------------|---------|
| 1 | Mua trang phục | 1.470.868.000 | |
| 2 | Mua mũ mềm đến niên hạn | 40.348.000 | |
| 3 | Mua quần áo xuân hè đến niên hạn | 330.120.000 | |
| 4 | Mua quần áo xuân hè trang bị thay thế quần áo thu đông đến niên hạn | 330.120.000 | |
| 5 | Mua dày da đến niên hạn | 366.800.000 | |
| 6 | Mua bút tất đến niên hạn | 36.680.000 | |
| 7 | Mua quần, áo đi mưa đến niên hạn | 366.800.000 | |
| 8 | Mua vũ khí, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị | 1.784.625.000 | |
| 9 | Mua gậy cao su | 142.400.000 | |
| 10 | Mua đèn pin loại 4 viên không ngâm nước | 100.200.000 | |
| 11 | Mua đèn pin loại ắc quy sạc | 61.425.000 | |
| 12 | Mua giường cấp cho 56 xã mới xây trụ sở làm việc | 112.000.000 | |
| 13 | Mua bàn làm việc cho 56 xã mới xây trụ sở làm việc | 252.000.000 | |
| 14 | Mua vi tính cho 56 xã mới xây trụ sở | 672.000.000 | |
| 15 | Lắp đặt điện thoại bàn cho 56 xã mới xây trụ sở | 42.000.000 | |
| 16 | Mua tủ sắt bảo quản hồ sơ, tài liệu, vũ khí và công cụ hỗ trợ cho 56 xã mới xây trụ sở (1 loại 4 ngăn, 1 loại 2 ngăn) | 302.400.000 | |
| 17 | Mua mũng cá nhân đến niên hạn | 33.400.000 | |
| 18 | Mua tấm đắp cá nhân đến niên hạn | 66.800.000 | |
| 19 | Xây dựng trụ sở làm việc Ban CA xã | 4.032.000.000 | |
| 20 | Xây dựng trụ sở làm việc cho Ban CA xã đồng bằng, xã miền núi còn lại | 4.032.000.000 | |
| 21 | Kinh phí đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng | 400.000.000 | |
| 22 | Mở 1 lớp huấn luyện nghiệp vụ Trưởng, phó CA xã | 200.000.000 | |
| 23 | Mở 2 lớp bồi dưỡng CA viên | 200.000.000 | |
| | Tổng cộng | 7.687.493.000 | |

Bảng chữ: Bảy tỷ, sáu trăm tám bảy triệu, bốn trăm chín ba ngàn đồng chẵn.

Bảng chi tiết 4

**Khái toán kinh phí phục vụ xây dựng,
củng cố CA xã (Năm 2013)**

| TT | Nội dung | Thành tiền (Đồng) | Ghi chú |
|-----------|--|------------------------------|----------------|
| 1 | Mua trang phục | 430.990.000 | |
| 2 | Mua quần áo xuân hè đến niên hạn | 330.120.000 | |
| 3 | Mua dây lưng nhỏ đến niên hạn | 64.190.000 | |
| 4 | Mua bút tất đến niên hạn | 36.680.000 | |
| 5 | Mua vũ khí, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị | 61.425.000 | |
| 6 | Mua đèn pin loại ắc quy sạc | 61.425.000 | |
| 7 | Kinh phí đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng | 1.900.000.000 | |
| 8 | Mở 1 lớp đào tạo Trung cấp CA xã | 1.500.000.000 | |
| 9 | Mở 1 lớp huấn luyện nghiệp vụ Trưởng, phó CA xã | 200.000.000 | |
| 10 | Mở 2 lớp bồi dưỡng CA viên | 200.000.000 | |
| | Tổng cộng: | 2.392.415.000 | |

Bảng chữ: Hai tỷ, ba trăm chín hai triệu, bốn trăm mười lăm ngàn đồng chẵn.

Bảng chi tiết 5

**Khái toán kinh phí phục vụ xây dựng,
củng cố CA xã (Năm 2014)**

| TT | Nội dung | Thành tiền (Đồng) | Ghi chú |
|-----------|---|------------------------------|----------------|
| 1 | Mua trang phục | 1.195.768.000 | |
| 2 | Mua mũ mềm đến niên hạn | 40.348.000 | |
| 3 | Mua mũ cứng đến niên hạn | 91.700.000 | |
| 4 | Mua quần áo xuân hè đến niên hạn | 330.120.000 | |
| 5 | Mua quần áo xuân hè trang bị thay thế quần áo thu đông đến niên hạn | 330.120.000 | |
| 6 | Mua dày da đến niên hạn | 366.800.000 | |
| 7 | Mua bút tất đến niên hạn | 36.680.000 | |
| 8 | Mua vũ khí, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị | 161.625.000 | |
| 9 | Mua đèn pin loại ắc quy sạc | 61.425.000 | |
| 10 | Mua mũng cá nhân đến niên hạn | 33.400.000 | |
| 11 | Mua tấm đấp cá nhân đến niên hạn | 66.800.000 | |
| 12 | Kinh phí đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng | 400.000.000 | |
| 13 | Mở 1 lớp huấn luyện nghiệp vụ Trưởng, phó CA xã | 200.000.000 | |
| 14 | Mở 2 lớp bồi dưỡng CA viên | 200.000.000 | |
| | Tổng cộng | 1.757.393.000 | |

Bảng chữ: Một tỷ, bảy trăm năm bảy triệu, ba trăm chín ba ngàn đồng chẵn.

Bảng chi tiết 6

**Khái toán kinh phí phục vụ xây dựng,
củng cố CA xã (Năm 2015)**

| TT | Nội dung | Thành tiền (Đồng) | Ghi chú |
|-----------|--|------------------------------|----------------|
| 1 | Mua trang phục | 366.800.000 | |
| 2 | Mua quần áo xuân hè đến niên hạn | 330.120.000 | |
| 3 | Mua bút tất đến niên hạn | 36.680.000 | |
| 4 | Mua vũ khí, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị | 161.625.000 | |
| 5 | Mua đèn pin loại 4 viên không ngấm nước đến niên hạn cấp | 100.200.000 | |
| 6 | Mua đèn pin loại ắc quy sạc | 61.425.000 | |
| 7 | Kinh phí đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng | 1.900.000.000 | |
| 8 | Mở 1 lớp đào tạo Trung cấp CA xã | 1.500.000.000 | |
| 9 | Mở 1 lớp huấn luyện nghiệp vụ Trưởng, phó CA xã | 200.000.000 | |
| 10 | Mở 2 lớp bồi dưỡng CA viên | 200.000.000 | |
| | Tổng cộng | 2.428.425.000 | |

Bảng chữ: Hai tỷ, bốn trăm hai mươi tám triệu, bốn trăm hai lăm ngàn đồng chẵn.